

PHÒNG GIÁO DỤC & ĐÀO TẠO THỊ XÃ ĐÔNG TRIỀU
TRƯỜNG TIỂU HỌC XUÂN SƠN

**BÁO CÁO TỰ ĐÁNH GIÁ
ĐÁNH GIÁ MỨC ĐỘ CHUYỂN ĐỔI SỐ NĂM
HỌC 2023– 2024**

Quảng Ninh, năm 2024

PHÒNG GIÁO DỤC & ĐÀO TẠO THỊ XÃ ĐÔNG TRIỀU
TRƯỜNG TIỂU HỌC XUÂN SƠN

BÁO CÁO TỰ ĐÁNH GIÁ
ĐÁNH GIÁ MỨC ĐỘ CHUYÊN ĐỒ SỐ NĂM
HỌC 2023 – 2024

DANH SÁCH VÀ CHỮ KÝ
THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG TỰ ĐÁNH GIÁ

TT	Họ và tên	Chức danh, chức vụ	Nhiệm vụ	Chữ ký
1	Trần Thị Kim Liên		Chủ tịch Hội đồng	
2	Lê Thị Tuyết Lan		Phó Chủ tịch Hội đồng	
3	Phạm Thị Nga		Thư ký Hội đồng	
4	Phạm Thị Hồng Phượng		Ủy viên Hội đồng	
5	Đinh Thị Ngọc Hậu		Ủy viên Hội đồng	
6	Nguyễn Hải Đăng		Ủy viên Hội đồng	

Quảng Ninh, năm 2024

MỤC LỤC

NỘI DUNG

	Trang
Mục lục	2
Bảng tổng hợp kết quả tự đánh giá	3
Phần I. CƠ SỞ DỮ LIỆU	4
Phần II. TỰ ĐÁNH GIÁ	5
A. ĐẶT VẤN ĐỀ	5
B. TỰ ĐÁNH GIÁ	6
I. TỰ ĐÁNH GIÁ TIÊU CHÍ	6
1. Nhóm Tiêu chí Chuyển đổi số trong dạy, học	7
Mở đầu	7
Tiêu chí 1.1	7
Tiêu chí 1.2	7
Tiêu chí 1.3	7
Tiêu chí 1.4	8
Tiêu chí 1.5	9
Tiêu chí 1.6	10
Tiêu chí 1.7	11
<i>Kết luận về Nhóm Tiêu chí Chuyển đổi số trong dạy, học</i>	12
2. Nhóm Tiêu chí Chuyển đổi số trong quản trị cơ sở giáo dục	12
Mở đầu	12
Tiêu chí 2.1	12
Tiêu chí 2.2	13
Tiêu chí 2.3	15
Tiêu chí 2.4	17
<i>Kết luận về Nhóm Tiêu chí Chuyển đổi số trong quản trị cơ sở giáo dục</i>	19
Phần III. KẾT LUẬN CHUNG	19
Phần IV. PHỤ LỤC	20

TỔNG HỢP KẾT QUẢ TỰ ĐÁNH GIÁ

1. Kết quả đánh giá

(Đánh dấu (x) vào ô kết quả tương ứng Kết quả đạt)

1.1. Đánh giá tiêu chí

Tiêu chí	Kết quả đạt		
	Mức độ 1	Mức độ 2	Mức độ 3
Nhóm tiêu chí chuyển đổi số trong dạy, học			
Tiêu chí 1.1	Có		
Tiêu chí 1.2	Có		
Tiêu chí 1.3			X
Tiêu chí 1.4			X
Tiêu chí 1.5			X
Tiêu chí 1.6			X
Tiêu chí 1.7			X
Nhóm tiêu chí Chuyển đổi số trong quản trị cơ sở giáo dục			
Tiêu chí 2.1	Có		
Tiêu chí 2.2	Có		
Tiêu chí 2.3			X
Tiêu chí 2.4			X

Kết quả: 04 tiêu chí bắt buộc/11 tiêu chí: Có

08/11 tiêu chí Đạt Mức độ 3

2. Kết luận: Đạt mức độ 3

Phần I **CƠ SỞ DỮ LIỆU**

Tỉnh: Quảng Ninh

Thị xã: Đông Triều

Phường: Xuân Sơn

Điện thoại:

Fax

Email: thxuanson@dongtrieu.edu.vn

Website

Đạt mức độ chuyển đổi số: Mức 3

1. Số học sinh, cán bộ, giáo viên, nhân viên

- Số học sinh: 495 em
- Số cán bộ, giáo viên, nhân viên: 29

2. Nhân sự thực hiện chuyển đổi số:

- Tổng số CBGV: 30 đồng chí; Trong đó:
 - + Cán bộ quản lí: 02 đ/c
 - + Giáo viên: 25 đ/c
- + Nhân viên: 03 đ/c
- Trình độ chuyên môn: 100% cán bộ giáo viên, nhân viên có trình độ đạt chuẩn và trên chuẩn .
- Trình độ tin học: + Chứng chỉ: 30/30 đ/c

3. Cơ sở vật chất, hạ tầng công nghệ thông tin

- Phục vụ công tác quản lý gồm: 06 máy tính để bàn, 01 máy tính xách tay, 06 máy in, 01 máy Scan, các máy tính đều được kết nối Internet và có hệ thống wifi.
- Tổng số máy vi tính đang được sử dụng: 25 máy (01 máy xách tay). Số máy tính phục vụ cho giáo viên , học sinh: 18 chiếc (ở 02 phòng tin học / 2 điểm trường)
- Ti vi: 18 chiếc
- Hệ thống phần cứng (bộ máy tính, máy in, máy scan, camera, hệ thống camera giám sát, máy photocopy...), các phần mềm để hỗ trợ phục vụ công tác: quản lý, hoạt động văn phòng, hội họp trực tuyến...; đầu tư lắp đặt thêm hệ thống camera lớp học trang bị âm thanh hai chiều;
- Mạng internet cáp quang (02 đường truyền của VNPT và Viettel), hệ thống Wifi ở các lớp học.

Phần II: TỰ ĐÁNH GIÁ

A. ĐẶT VẤN ĐỀ:

1. Tình hình chung của nhà trường

Chỉ đạo toàn thể CB, GV, NV thực hiện đầy đủ các nội dung công tác trọng tâm của năm học, tập trung nguồn lực cho chuyển đổi số trong nhà trường

* Ứng dụng CNTT và chuyển đổi số trong đổi mới nội dung, phương pháp dạy học

- Trường đã kết nối 2 đường truyền internet phục vụ cho việc sử dụng CNTT quản lý nhân sự và dạy học.

- CB, GV, NV sử dụng máy vi tính, soạn bài và soạn thảo các văn bản trên máy vi tính, soạn giáo án điện tử để trình chiếu trên poewpoint và áp dụng CNTT vào trong tất cả các hoạt động của học sinh.

- Giáo viên xây dựng kho học liệu số đảm bảo chất lượng theo từng khối lớp, sử dụng các phần mềm để lập kế hoạch giáo dục học sinh. Những giáo viên có tay nghề sử dụng CNTT thành thạo và xây dựng kho học liệu điện tử của trường.

- Giáo viên thường xuyên tương tác qua Zalo với phụ huynh hướng dẫn cách lưu những nội dung bài học, clip chia sẻ đến phụ huynh học sinh.

* Ứng dụng CNTT và chuyển đổi số trong các hoạt động điều hành và quản lý giáo dục

- Sử dụng hiệu quả phần mềm quản lý trường học trực tuyến tại địa chỉ <http://qlth.quangninh.edu.vn> trong đánh giá học sinh khối 4,5 theo Thông tư số 22/2016/TT-BGD&ĐT ngày 22/9/2016 sửa đổi bổ sung một số điều của Quy định đánh giá học sinh tiểu học, văn bản hợp nhất 03/VBHN-BGDDT ngày 28/9/2016 và Công văn số 1172/SGD&ĐT-GDTH ngày 18/5/2017 của Sở GD&ĐT về hướng dẫn đánh giá định kỳ về học tập và xét khen thưởng cuối năm học đối với học sinh tiểu học theo Thông tư số 22/2016/TT-BGD&ĐT; Đối với học sinh lớp 1,2,3 thực hiện theo Chương trình giáo dục phổ thông 2018: Thực hiện đánh giá theo quy định tại Thông tư số 27/2020/TT-BGD&ĐT ngày 04/9/2020 của Bộ GD&ĐT có hiệu lực thi hành kể từ ngày 20/10/2020;

- Giáo viên, học sinh khai thác các thư viện bài giảng elearning của Bộ GD&ĐT <http://elearning.moet.edu.vn>; tài nguyên, thư viện sách điện tử, học liệu số trên các hệ thống <http://quangninh.edu.vn>, <http://elearning.dongtrieu.edu.vn>...

Hệ thống thông tin quản lý phổ cập giáo dục và chống mù chữ, tại địa chỉ: <http://pcgd.moet.gov.vn>.

+ Sử dụng trực tuyến (SMAS) tại địa chỉ <https://qlth.quangninh.edu.vn/>, Chỉ đạo giáo viên chủ nhiệm cập nhật đầy đủ thông tin quản lý, đánh giá học sinh, hoàn thành hồ sơ đánh giá học sinh theo quy định;

+ Kết nối dữ liệu với phần mềm cơ sở dữ liệu của Bộ Giáo dục và Đào tạo tại địa chỉ <https://csdl.moet.gov.vn/>;

- Tiếp tục tăng cường triển khai hệ thống tuyển sinh trực tuyến đầu cấp của phòng GD&ĐT thị xã tại địa chỉ <https://tsdaucap.dongtrieu.edu.vn/> vào cuối năm học.

- CB, GV, NV sử dụng trang website của trường một cách có hiệu quả.

- Sử dụng thường xuyên thư điện tử tên miền @dongtrieu.edu.vn trong công tác quản lý và dạy học (CBQL: 2 lần/ngày; GV: 1 lần/ngày); thực hiện thông tin 2 chiều giữa CBQL-GV-Phòng GD.

- Sử dụng hiệu quả các phần mềm quản lý tài chính, cơ sở vật chất (MISA), tính khẩu phần ăn, quản lý nhân sự (SMAS, <https://qlcb.quangninh.gov.vn/>);

- Thường xuyên trao đổi thông tin, văn bản qua thư điện tử giữa nhà trường với PGD&ĐT Đông Triều.

- Sử dụng tốt phần mềm quản lý: QLGD, kế toán, phổ cập GD, quản lý học sinh, quản lý tài chính, quản lý nhân sự, phần mềm tự kiểm định chất lượng....

- 100% CBGV thực hiện BDTX trên phần mềm taphuan.edu.vn

- Nhà trường thực hiện báo cáo thống kê giáo dục định kỳ đúng thời hạn, đầy đủ và chính xác theo quy định tại Thông tư số 24/2018/TT-BGDĐT ngày 28/9/2018 về Chế độ báo cáo thống kê ngành Giáo dục và báo cáo đột xuất theo yêu cầu của Bộ GDĐT.

- Tổ chức rà soát, thu thập, tổng hợp đầy đủ thông tin về hồ sơ trường học, lớp học, học sinh, đội ngũ (cán bộ quản lý, giáo viên và nhân viên), cơ sở vật chất và thiết bị trường học, tài chính đảm bảo thông tin đầy đủ, chính xác và cập nhật vào hệ thống Cổng thông tin GD&ĐT và hệ thống CSDL của Bộ GDĐT. Để đảm bảo chất lượng thông tin và báo cáo.

2. Mục đích TĐG:

- Thúc đẩy chuyển đổi số trong các hoạt động quản lý, dạy học trong nhà trường.

- Theo dõi đánh giá khách quan, thực chất, công bằng kết quả chuyển đổi số của các cá nhân cán bộ giáo viên và tập thể nhà trường

- Phát hiện các điển hình, mô hình chuyển đổi số làm tốt để nhân rộng, tạo phong trào thực hiện chuyển đổi số trong toàn trường.

3. Tóm tắt quá trình và những vấn đề nổi bật trong hoạt động TĐG:

Ra Quyết định thành lập Hội đồng Tự đánh giá, phân công nhiệm vụ cho từng thành viên trong Hội đồng. Lập các nhóm công tác để triển khai thu thập minh chứng; chỉ đạo quá trình thu thập, xử lý, phân tích minh chứng hoàn thiện báo cáo; giải quyết các vấn đề phát sinh trong quá trình triển khai thực hiện.

B. TỰ ĐÁNH GIÁ

I. TỰ ĐÁNH GIÁ TIÊU CHÍ

Nhóm tiêu chí chuyển đổi số trong dạy, học:

Chuyển đổi số trong giáo dục chính là việc ứng dụng những công nghệ tiên tiến giúp nâng cao trải nghiệm của người học; cải thiện những phương pháp giảng dạy cũng như tạo môi trường để học tập thuận tiện nhất. Lợi ích của chuyển đổi số đang đóng vai trò ngày càng quan trọng và tích cực trong môi trường giáo dục, giúp cho việc truyền tải kiến thức của giáo viên và việc phát triển khả năng tự học của người học mà không bị giới hạn về không gian và thời gian. Ứng dụng chuyển đổi số trong dạy, học đã giúp giáo viên, học sinh tiếp cận thông tin, kiến thức dễ dàng, cung ứng cho mỗi người nhiều cơ hội học tập, phát triển bản thân.

Tiêu chí 1.1: Có ban hành kế hoạch tổ chức dạy học trực tuyến

- Có xây dựng kế hoạch tổ chức dạy học trực tuyến.

Tiêu chí 1.2: Có ban hành kế hoạch tổ chức dạy học trực tuyến

- Có ban hành quy chế tổ chức dạy học trực tuyến.

Tiêu chí 1.3: Triển khai phần mềm dạy học trực tuyến

1.3.1. Mô tả hiện trạng

- Nhà trường đã triển khai tới toàn bộ giáo viên các phần mềm dạy học trực tuyến trực tiếp như: Zoom us, Microsoft team, zalo, Google meet... và được giáo viên áp dụng vào dạy học đạt kết quả tốt [H1.3.01].

- Nhà trường đã được tài trợ phần mềm hệ thống quản lý học tập trực tuyến Khan Academy và triển khai tới 100% giáo viên, học sinh trong toàn trường. Hệ thống học tập trực tuyến với đầy đủ các chức năng như:

- (1) Giáo viên giao bài cho học sinh tự học;
- (2) Giáo viên trả lời (giải đáp) các câu hỏi của học sinh;
- (3) Tổ chức kiểm tra, đánh giá thường xuyên;
- (4) Phụ huynh học sinh tham gia vào các hoạt động học tập của học sinh.

. [H1.3.02].

1.3.2. Điểm mạnh

- 100% giáo viên trong toàn trường có thể sử dụng thành thạo các phần mềm dạy học trực tuyến trực tiếp.

- Đa số học sinh được các phụ huynh quan tâm, đầu tư về cơ sở vật chất cho các con ở nhà để phục vụ cho việc học trực tuyến. Học sinh có thể thực hiện các thao tác trên thiết bị công nghệ một cách thành thạo.

- Phần mềm hệ thống quản lý học tập Khan Academy có nhiều tính năng và hệ thống các bài giảng, bài tập phong phú giúp học sinh hứng thú trong học tập, phụ huynh dễ dàng hỗ trợ, kiểm tra và tham gia vào các hoạt động học tập của học sinh.

1.3.3. Điểm yếu

- Trường còn một số học sinh nghèo, có hoàn cảnh khó khăn, không có các

thiết bị công nghệ phục vụ cho việc học tập.

1.3.4. Kế hoạch cải tiến

- Nhà trường lập kế hoạch tổ chức tập huấn, bồi dưỡng cho giáo viên về kỹ năng ứng dụng, quản lý các lớp học trực tuyến. Tập huấn về sử dụng phần mềm quản lý học tập Khan Academy. Tham gia các buổi tập huấn bồi dưỡng giáo viên do cấp trên tổ chức.

- Nhà trường tổ chức cho giáo viên rà soát lại nội dung chương trình, hệ thống bài giảng, bài tập trong phần mềm quản lý học tập Khan Academy sao cho phù hợp với chương trình giáo dục phổ thông 2018.

- Tuyên truyền tới phụ huynh học sinh về tính ứng dụng của học tập trực tuyến, phù hợp với xu thế phát triển của xã hội. Xã hội hóa ủng hộ cho các học sinh có hoàn cảnh khó khăn có đủ cơ sở vật chất để học tập tốt.

1.3.5. Tự đánh giá

Chỉ số	Điểm số
a) Có triển khai phần mềm dạy học trực tuyến trực tiếp	6
b) Có triển khai hệ thống quản lý học tập trực tuyến.	18
Tổng điểm: 24-Đạt: Mức độ 3	

Tiêu chí 1.4: :Số lượng học liệu được số hóa

1.4.1. Mô tả hiện trạng

- Nhà trường đã tập huấn và triển khai, hướng dẫn giáo viên sử dụng các phương tiện điện tử phục vụ dạy và học, bao gồm: tài liệu tham khảo điện tử, các tệp âm thanh, hình ảnh, video, bài giảng điện tử, phần mềm dạy học, thí nghiệm mô phỏng và các học liệu được số hóa khác.

Số lượng học liệu được số hóa đã được tổ chuyên môn thông qua và được người đứng đầu cơ sở giáo dục phê duyệt.

1.4.2. Điểm mạnh

- Nhà trường xây dựng kế hoạch triển khai, hướng dẫn cho giáo viên trong nhà trường sử dụng các học liệu số học và được giáo viên tích cực sử dụng hiệu quả.

- Các học liệu số học được thiết kế hướng tới đối tượng người dùng là HS các cấp học, giáo viên, phụ huynh HS và toàn xã hội. Nguồn học liệu số cho phép dễ dàng cập nhật và sửa đổi nội dung học tập.

- Nguồn học liệu số cung cấp thông tin, kiến thức và tài liệu học tập cho học sinh và giáo viên giúp học sinh nắm vững kiến thức, phát triển kỹ năng và ứng dụng các khái niệm học được vào thực tế. Nguồn học liệu số cũng cung cấp các bài tập, bài kiểm tra cho học sinh

- Nguồn học liệu số cung cấp sự linh hoạt và tiện lợi trong việc truy cập và

sử dụng tài liệu học tập. Học sinh và giáo viên có thể tiếp cận nguồn tài nguyên mọi lúc, mọi nơi thông qua các thiết bị di động, máy tính và kết nối internet

1.4.4. Kế hoạch cải tiến

- Nhà trường lập kế hoạch mua sắm thiết bị, cơ sở vật chất đáp ứng đầy đủ nhu cầu sử dụng các học liệu số phục vụ cho việc học tập cho học sinh.

1.4.5. Tự đánh giá

Chỉ số	Điểm số
Số lượng học liệu được số hóa nhiều hơn 35% tổng số lượng học liệu của từng môn theo khối	10 điểm
Tổng điểm: 10-Đạt: Mức độ 3	

Tiêu chí 1.5: Có tổ chức triển khai thi, kiểm tra, đánh giá kết quả học tập trên phòng máy tính

1.5.1. Mô tả hiện trạng

- Nhà trường đã tổ chức triển khai thi, kiểm tra, đánh giá kết quả học tập môn Tin học, tổ chức thi IOE, PM thi trực tuyến IOE, phần mềm SCRATCH thi Tin học trẻ trên phòng máy tính. [H1.5.01].

- Có phần mềm, máy tính kết nối mạng LAN. Phần mềm tổ chức thi trên máy tính có kết nối, trao đổi kết quả với hệ thống quản trị nhà trường: thi trực tuyến IOE, phần mềm SCRATCH thi Tin học trẻ trên phòng máy tính. [H1.5.02].

1.5.2. Điểm mạnh

- Nhà trường xây dựng Kế hoạch triển khai thi, kiểm tra, đánh giá kết quả học tập trên phòng máy tính môn Tin học, thi Tiếng Anh qua mạng Internet

- Lưu trữ Hồ sơ dữ liệu thực tế trên hệ thống phần mềm khai thi, kiểm tra, đánh giá kết quả học tập trên phòng máy tính.

- Dữ liệu trên hệ thống thi trực tuyến được đánh giá cao hơn.

- Khi thực hiện khai thi, kiểm tra, đánh giá kết quả học tập trên phòng máy tính nhà trường luôn đưa ra phương án đảm bảo an toàn, an ninh mạng và bảo mật dữ liệu;

1.5.3. Điểm yếu

- Trường còn thiếu hệ thống máy tính để đảm bảo đúng số lượng học sinh đạt chuẩn theo chương trình GDPT 2018

1.5.4. Kế hoạch cải tiến

- Nhà trường lập kế hoạch mua sắm thiết bị, cơ sở vật chất đáp ứng đầy đủ nhu cầu học tập cho học sinh.

- Kêu gọi sự ủng hộ, đóng góp từ các doanh nghiệp, cơ quan trên địa bàn phường, các tổ chức cá nhân trong và nước ngoài.

1.5.5. Tự đánh giá

Chỉ số	Điểm số
--------	---------

a) Có tổ chức triển khai thi, kiểm tra, đánh giá kết quả học tập trên phòng máy tính	13
b) Phần mềm tổ chức thi trên máy tính có kết nối, trao đổi kết quả với hệ thống quản trị nhà trường	5
Tổng điểm: 18-Đạt:Mức độ 3	

Tiêu chí 1.6: Phát triển nguồn nhân lực chuyển đổi số

1.6.1. Mô tả hiện trạng

- 100% giáo viên có tài khoản trực tuyến trên hệ thống bồi dưỡng: Chương trình giáo dục phổ thông 2018, Bồi dưỡng giáo viên trên nền tảng số Quốc gia, Bồi dưỡng giáo viên phổ thông và cán bộ quản lý cơ sở phổ thông. Tham gia đầy đủ các buổi tập huấn do Sở, Phòng giáo dục tổ chức. [H1.6.01].

- 100% giáo viên thường xuyên khai thác các phần mềm, công cụ, đồ dùng dạy học nhằm đổi mới phương pháp dạy học theo các văn bản chỉ đạo của cơ quan quản lý, các khóa tập huấn do nhà trường tổ chức và được nhà trường đánh giá hoàn thành tốt. [H1.6.02].

- Giáo viên đã xây dựng được một số học liệu số, bài giảng điện tử theo quy định tại điều 7, thông tư 09. [H1.6.03].

1.6.2. Điểm mạnh

- Hệ thống cơ sở vật chất của nhà trường tương đối đầy đủ. 100% các phòng học đều có ti vi, máy chiếu kết nối mạng Internet thuận lợi cho việc khai thác và sử dụng các công cụ, đồ dùng dạy học trực tuyến.

- Đa số các đồng chí cán bộ, giáo viên, nhân viên có trình độ chuyên môn tốt, có khả năng sử dụng và ứng dụng công nghệ thông tin thành thạo. 100% giáo viên đạt giấy chứng nhận bồi dưỡng giáo viên trong nền tảng số Quốc gia.

- Có đầy đủ Hồ sơ quản lý, sử dụng: Sổ theo dõi thiết bị, đồ dùng dạy học, Sổ theo dõi, mượn trả của giáo viên, tổ chuyên môn được các đồng chí cán bộ, giáo viên, nhân viên có tinh thần trách nhiệm cao luôn hoàn thành tốt.

1.6.3. Điểm yếu

- Hệ thống các phòng học bộ môn đã bắt đầu xuống cấp, phòng Tin học máy tính hay hỏng hóc, hệ thống máy tính bảng không còn sử dụng được để phục vụ cho công tác giảng dạy trên lớp.

- Một số giáo viên cao tuổi còn gặp khó khăn trong việc tự xây dựng học liệu số, bài giảng điện tử trong công tác dạy – học.

1.6.4. Kế hoạch cải tiến

- Triển khai tập huấn kỹ năng sử dụng hệ thống dữ liệu, các phần mềm ứng dụng, cách xây dựng học liệu số và bài giảng điện tử phục vụ trong hoạt động giảng dạy tới giáo viên thuộc tổ chuyên môn.

-Nhà trường ưu tiên dành các nguồn lực để đầu tư cho cơ sở vật chất, cải tạo hệ thống đường mạng Internet ổn định phục vụ cho công tác dạy và học.

1.6.5. Tự đánh giá

Chỉ số	Điểm số
a) Tỷ lệ giáo viên có tài khoản sử dụng trên hệ thống bồi dưỡng giáo viên trực tuyến để tự bồi dưỡng qua mạng.	7
b) Tỷ lệ giáo viên có thể khai thác sử dụng được các phần mềm, công cụ nhằm đổi mới phương pháp dạy học.	7
c) Tỷ lệ giáo viên có thể xây dựng được học liệu số, bài giảng điện tử.	4
Tổng điểm: 18-Đạt: Mức độ 3	

Tiêu chí 1.7: Hạ tầng, thiết bị sử dụng chuyển đổi số dạy, học

1.7.1. Mô tả hiện trạng

- 100% các phòng học của nhà trường có thiết bị trình chiếu, thiết bị phụ trợ sử dụng dạy học và kết nối Internet. Nhà trường xây dựng kế hoạch quản lý, sử dụng thiết bị, thiết bị phụ trợ trong đó thể hiện việc khai thác, sử dụng cho các hoạt động giáo dục của nhà trường. Sổ theo dõi, mượn trả của giáo viên, tổ chuyên môn [H1.7.01].

- Nhà trường xây dựng đầy đủ Hồ sơ quản lý, sử dụng: Sổ theo dõi thiết bị, đồ dùng dạy học có các thiết bị theo yêu cầu. Hóa đơn tiền internet, sơ đồ mạng LAN, mạng internet, thiết bị kết nối không dây, ... Sơ đồ mạng internet của đơn vị, hình thức triển khai hạ tầng mạng, các thông số mạng. [H1.7.02]; [H1.7.03].

1.7.2. Điểm mạnh

- Hệ thống cơ sở vật chất của nhà trường tương đối đầy đủ. Hệ thống Internet, camera được lắp đặt 100% trên các lớp và toàn bộ trong khu vực nhà trường quản lý, phục vụ tốt cho công tác quản trị nhà trường.

- Đa số các đồng chí Cán bộ, giáo viên, nhân viên có trình độ chuyên môn tốt, 100% cán bộ, giáo viên, nhân viên có chứng chỉ bồi dưỡng về Tin học đạt trình độ từ A trở lên.

- Có đầy đủ Hồ sơ quản lý, sử dụng: Sổ theo dõi thiết bị, đồ dùng dạy học, Sổ theo dõi, mượn trả của giáo viên, tổ chuyên môn được các đồng chí cán bộ, giáo viên, nhân viên có tinh thần trách nhiệm cao luôn hoàn thành tốt.

1.7.3. Điểm yếu

- Đội ngũ giáo viên tuy có trình độ được bồi dưỡng về tin học tương đối đầy đủ song việc ứng dụng, sử dụng công nghệ thông tin vào giảng dạy vẫn còn nhiều hạn chế.

- Hệ thống các phòng học bộ môn đã bắt đầu xuống cấp, phòng Tin học máy tính

hay hỏng hóc, hệ thống máy tính bảng không còn sử dụng được để phục vụ cho công tác giảng dạy trên lớp.

1.7.4. Kế hoạch cải tiến

- Nhà trường ưu tiên dành các nguồn lực để đầu tư cho cơ sở vật chất, cải tạo hệ thống CNTT phục vụ cho công tác dạy và học.

- Triển khai tập huấn kỹ năng sử dụng hệ thống dữ liệu, các phần mềm ứng dụng trong hoạt động giảng dạy tới giáo viên thuộc tổ chuyên môn.

- Bộ phận phụ trách CNTT hàng tháng, quý, học kỳ, năm học rà soát và có kế hoạch đề nghị mua sắm bổ sung, duy trì, nâng cấp trang thiết bị đáp ứng yêu cầu triển khai ứng dụng CNTT, CDS trong dạy, học, kiểm tra đánh giá và quản lý giáo dục;

1.7.5. Tự đánh giá

Chỉ số	Điểm số
a) Tỷ lệ phòng học có thiết bị trình chiếu, thiết bị phụ trợ sử dụng dạy - học và kết nối Internet trên tổng số phòng học	8
b) Mức độ đáp ứng yêu cầu dạy môn Tin học	6
c) Có phòng studio (gồm máy tính, thiết bị phục vụ cho việc xây dựng học liệu số, bài giảng điện tử)	3
Tổng điểm: 17-Đạt:Mức độ 3	

* Kết luận:

05 tiêu chí đạt mức độ 3; đạt 100%

Nhóm Tiêu chí: Chuyển đổi số trong quản trị cơ sở giáo dục

Tiêu chí 2.1: Thành lập bộ phận chỉ đạo, phụ trách, triển khai ứng dụng CNTT, chuyển đổi số

Chuyển đổi số trong giáo dục là ứng dụng công nghệ kỹ thuật số và hệ thống thông tin internet vào lĩnh vực giáo dục để nâng cao chất lượng giảng dạy, học tập và quản lý giáo dục. Bao gồm cải tiến phương pháp giảng dạy, cải tiến các thiết bị, dụng cụ hỗ trợ học tập, nâng cao trải nghiệm của học sinh, sinh viên và người tham gia đào tạo. Chuyển đổi số giúp tạo ra môi trường học tập nơi mà mọi thứ kết nối với nhau. Sự kết hợp mới mẻ của công nghệ, bảo mật nhằm thu hẹp khoảng cách địa lý để tạo ra trải nghiệm trong học tập, đồng thời tăng cường sự tương tác của mọi người. Tuy nhiên, công tác chuyển đổi số trong giáo dục cũng đặt ra một số thách thức, bao gồm việc đảm bảo truy cập công bằng đến công nghệ, đào tạo và hỗ trợ cho giáo viên và học sinh, và đảm bảo an toàn và bảo mật thông tin trong môi trường số.

Tầm quan trọng và lợi ích của chuyển đổi số trong giáo dục là giúp việc cung cấp giáo dục chất lượng và cơ hội bình đẳng cho tất cả mọi người trên toàn thế giới.

Sự bùng nổ của công nghệ đã giúp quá trình chuyển đổi số trong giáo dục Việt Nam tiếp nhận thêm nhiều phương thức giảng dạy mới, mang lại tín hiệu tích cực. Các thiết bị thông minh như máy chiếu, bảng điện tử,... hỗ trợ học tập được lắp đặt tại các phòng học.

2.1.1. Mô tả hiện trạng:

Nhà trường đã ban hành Quyết định số 164/QĐ-THXS, ngày 15/11/2023 v/v thành lập Ban chỉ đạo, phụ trách, triển khai ứng dụng CNTT, chuyển đổi số trong năm học 2023-2024. Phân công rõ trách nhiệm lãnh đạo nhà trường phụ trách và viên chức CNTT làm đầu mối triển khai nhiệm vụ CNTT và công tác thống kê giáo dục [H2.1.01].

2.1.2. Điểm mạnh:

Việc thành lập Ban chỉ đạo, phụ trách, triển khai ứng dụng CNTT, chuyển đổi số trong năm học 2023-2024 và việc phân công phụ trách, triển khai ứng dụng CNTT, chuyển đổi số có sự tham gia đóng góp ý kiến của toàn thể cán bộ, giáo viên, nhân viên nhà trường nên những cá nhân được phân công đảm bảo năng lực, trình độ giúp nhà trường triển khai tốt việc ứng dụng CNTT, chuyển đổi số.

2.1.3. Điểm yếu:

Viên chức CNTT làm đầu mối triển khai CNTT và công tác thống kê giáo dục còn kiêm nhiệm thêm nhiều nhiệm vụ khác của nhà trường nên đôi khi công tác triển khai nhiệm vụ CNTT và công tác thống kê giáo dục còn chưa kịp thời.

2.1.4. Kế hoạch cải tiến:

Nhà trường cần xây dựng kế hoạch ứng dụng CNTT và chuyển đổi số bám sát với tình hình thực tiễn nhà trường hơn nữa, phân công nhiệm vụ đảm bảo cân đối, phù hợp với từng cá nhân để viên chức CNTT làm đầu mối triển khai CNTT và công tác thống kê giáo dục có đầy đủ điều kiện và thời gian để thực hiện tốt triển khai nhiệm vụ CNTT và công tác thống kê giáo dục tại nhà trường.

2.1.5. Tự đánh giá:

Chỉ số	Điểm số
Cơ sở giáo dục thành lập bộ phận chỉ đạo, phụ trách, triển khai ứng dụng công nghệ thông tin, chuyển đổi số.	Đạt
Đạt	

Tiêu chí 2.2: Ban hành kế hoạch ứng dụng công nghệ thông tin, chuyển đổi số

2.2.1. Mô tả hiện trạng

a) Nhà trường có kế hoạch ứng dụng CNTT, chuyển đổi số được xây dựng, công bố trên cổng thông tin điện tử của đơn vị từ đầu năm học. Kế hoạch xây dựng

thể hiện rõ mục tiêu cải thiện các chỉ số trong Bộ chỉ số, phù hợp với quy định hiện hành, hướng dẫn của Sở GDĐT, của cơ quan quản lý trực tiếp, đảm bảo tính thiết thực, phù hợp với nhu cầu và điều kiện tình hình thực tế của nhà trường [H2.2.01].

- Nhà trường đã tuyên truyền kế hoạch tới toàn thể đội ngũ cán bộ, giáo viên, nhân viên và học sinh của đơn vị trong cuộc họp hội đồng, và trên trang Web nhà trường [H2.2.02].

Kế hoạch ứng dụng công nghệ thông tin, chuyển đổi số của nhà trường đảm bảo các chỉ số trong Bộ chỉ số, phù hợp với quy định hiện hành, hướng dẫn của Sở GDĐT

b) Trong sổ nghị Hội Đồng có ghi các nội dung ứng dụng CNTT, chuyển đổi số của đơn vị, trong các cuộc họp hội đồng hiệu trưởng tuyên truyền tới toàn thể CBGV-NV của nhà trường [H2.2.03].

2.2.2. Điểm mạnh

Nhà trường có kế hoạch ứng dụng CNTT, chuyển đổi số; Số:.../KH-THXS, ngày // của hiệu trưởng trường Tiểu học Xuân Sơn, được xây dựng, công bố trên cổng thông tin điện tử của đơn vị từ đầu năm học. Trong kế hoạch thể hiện rõ mục tiêu cải thiện các chỉ số trong Bộ chỉ số, phù hợp với quy định hiện hành, hướng dẫn của Sở GDĐT, của cơ quan quản lý trực tiếp, đảm bảo tính thiết thực, phù hợp với nhu cầu và điều kiện tình hình thực tế của nhà trường

Các kế hoạch đã được công khai trên trang web của nhà trường từ đầu năm học, được niêm yết trên bảng tin phòng hội đồng. Đã tuyên truyền đầy đủ trong các cuộc họp hội đồng, cuộc họp phụ huynh học sinh, và các buổi phát thanh măng non.

2.2.3. Điểm yếu

Một số giáo viên chưa ghi đầy đủ các nội dung vào sổ họp đồng của mình, một số phụ huynh, học sinh chưa có thiết bị thông minh để theo dõi các kế hoạch nhà trường triển khai trên trang website, trong các cuộc họp chưa thực sự quan tâm lắng nghe các nội dung GVCN triển khai.

2.2.4. Kế hoạch cải tiến

Nhà trường xây dựng kế hoạch sát sao hơn, quán triệt tới toàn thể CBGV-NV nghiêm túc việc ghi chép trong các cuộc họp hội đồng để nắm bắt tốt kế hoạch chuyển đổi số.

Nhà trường tăng cường công tác tuyên truyền, phổ biến để phụ huynh học sinh trong các cuộc họp và các nhóm lớp để phụ huynh cũng như học sinh hiểu rõ hơn về chuyển đổi số trong nhà trường.

2.2.5. Tự đánh giá:

Chỉ số	Điểm số
a) Kế hoạch ứng dụng CNTT, chuyển đổi số năm học 2023-2024	Đạt
b) Sổ nghị quyết Hội đồng (cuộc họp tuyên truyền KH..)	Đạt
Đạt	

Tiêu chí: 2.3 Có triển khai phần mềm quản trị nhà trường

2.3.1. Mô tả hiện trạng: Nhà trường có triển khai phần mềm quản trị nhà trường (SMAS); Đường dẫn: <http://qlth.quangninh.edu.vn/SchoolProfileArea/SchoolProfile/Edit?Tab=1>. Được sử dụng từ năm học 20... Nhà trường đã ra Quyết định số: .../QĐ-THXS, ngày...../...../..... của hiệu trưởng trường Tiểu học Xuân Sơn. Quy chế quản lý và sử dụng hồ sơ điện tử của trường Tiểu học Xuân Sơn năm học 2023 - 2024, quy định rõ quyền hạn và trách nhiệm của tập thể cá nhân trong công tác sử dụng và quản lý hồ sơ điện tử [H2.3.01].

Nhà trường triển khai phần mềm quản lý trường học có phân hệ quản lý học sinh, được cấp quyền cho giáo viên chủ nhiệm từng lớp, có trách nhiệm cập nhật thông tin vào đầu năm học (đối với lớp 1) và thực hiện đối với tất cả các khối lớp trong suốt quá trình học tập tại nhà trường, bao gồm các thông tin chung, thông tin cá nhân và thông tin về gia đình của học sinh [H2.3.02].

Nhà trường triển khai phần mềm quản lý trường học SMAS, đường dẫn: <http://qlth.quangninh.edu.vn/SchoolProfileArea/SchoolProfile/Edit?Tab=1>. Có triển khai sổ điểm điện tử, học bạ điện tử, nhà trường cấp quyền sử dụng cho giáo viên giảng dạy¹ các bộ môn trong nhà trường, có trách nhiệm cập nhật điểm kiểm tra giữa các kỳ và cuối kỳ đảm bảo tính chính xác đúng quy định của ngành, về tiến độ được chuyên môn nhà trường kiểm tra, giám sát thường xuyên để đôn đốc nhắc nhở kịp thời. Đối với học bạ được tự động cập nhật trực tuyến, việc thực hiện in, ký đóng dấu của nhà trường để lưu trữ hàng năm vào cuối năm học hoặc học sinh chuyển trường, chuyển cấp học đúng theo quy định [H2.3.03].

Nhà trường triển khai phần mềm quản lý trường học SMAS. Có triển khai phân hệ quản lý đội ngũ CBVCNV trong nhà trường (bao gồm cả GVHD); phần mềm cập nhật thông tin cá nhân CBGVNV được cấp quyền và quản trị cập nhật hàng năm về lý lịch, trình độ văn hóa, trình độ chuyên môn, đảng, đoàn, diễn biến lương, phụ cấp thâm niên nghề [H2.3.04].

Phần mềm Misa có phân hệ quản lý cơ sở vật chất được giao cho Kế toán

trực tiếp quản trị, có nhiệm vụ cập nhật thông tin hàng năm về CSVS, tài sản của nhà trường hoặc khi có biến động về tài sản trong nhà trường [H2.3.05].

Nhà trường triển khai phần mềm quản lý trường học SMAS. Có triển khai phân hệ quản lý thông tin y tế trường học, quản lý thông tin sức khỏe học sinh, đối với nội dung này quản trị nhà trường cấp quyền cho nhân viên y tế, có trách nhiệm cập nhật thông tin sức khỏe học sinh đầu năm khi có kết quả khám sức khỏe định năm cho học sinh. Nội dung khám được nhà trường ký kết hợp đồng với trạm y tế hàng năm [H2.3.06].

Phần mềm Misa có phân hệ quản lý kế toán được giao cho Kế toán trực tiếp quản trị, và được phân quyền quản trị của Hiệu trưởng riêng biệt, được sử dụng trong việc chi trả lương, thâm niên nghề cho CBGVNV, thanh toán các loại hình dịch vụ, thuê mướn [H2.3.07].

Phần mềm kết nối và trao đổi đầy đủ dữ liệu với CSDL ngành (do Bộ quản lý), đường dẫn: <https://truong.cSDL.moet.gov.vn/C1/HoSoTruongDetail.aspx> [H2.3.08].

2.3.2. Điểm mạnh:

Nhà trường đã triển khai tốt các phần mềm trong công tác quản lý, quản trị nhà trường, khả năng sử dụng phần mềm đáp ứng được các yêu cầu của công tác quản lý, quản trị trong nhà trường, đảm bảo tính chính xác linh hoạt. CBQL, giáo viên, nhân viên đều đáp ứng các yêu cầu về sử dụng phần mềm trực tuyến, thuận tiện cho công tác quản lý trong nhà trường. Nhà trường đã ban hành các văn bản về quản lý và sử dụng hồ sơ điện tử, thành lập tổ quản trị để quản lý các phần mềm trực tuyến, đảm bảo theo quy định.

Việc duy trì và sử dụng phần mềm quản lý trường học trong nhà trường được thực hiện nghiêm túc đúng quy định của Pháp luật và đảm bảo an ninh, an toàn.

2.3.3. Điểm yếu:

Việc cập nhật thông tin trên phần mềm của giáo viên có cá nhân còn chậm so với quy định; cập nhật thông tin học sinh còn thiếu.

Việc sử dụng các tính năng trong các phân hệ được cấp còn hạn chế, hoặc chưa thực hiện (Quản lý Y tế, CSVS chưa cập nhật kịp thời).

2.3.4. Kế hoạch cải tiến:

Trong những năm học tiếp theo tiếp tục thực hiện công tác bồi dưỡng quản lý và sử dụng phần mềm trên cơ sở các phân hệ đã mở đảm bảo đúng quy định, an toàn; tiếp tục nghiên cứu và mở thêm các phân hệ khác và khai thác một số

hiệu quả phục vụ cho công tác quản lý trong nhà trường.

Quản trị trong nhà trường thực hiện tốt các quy định trong việc sử dụng và quản lý hồ sơ điện tử đảm bảo an toàn đúng quy định; thực hiện đúng thời gian việc gia hạn các phần mềm để đảm bảo kịp thời trong thực hiện nhiệm vụ.

Phân khai nguồn tài chính để duy trì nâng cấp các phần mềm hàng năm và công tác bảo đảm an toàn an ninh các phần mềm trực tuyến dùng trong nhà trường.

2.3.5. Tự đánh giá:

Chỉ số	Điểm số
Quy chế sử dụng Hệ thống quản trị nhà trường - SMAS Phần mềm quản lý trường học.	8
Phần mềm quản lý trường học SMAS (Có triển khai phân hệ quản lý học sinh)	8
Phần mềm quản lý trường học SMAS (Có triển khai sổ điểm điện tử, học bạ điện tử)	10
Phần mềm quản lý trường học SMAS (Có triển khai phân hệ quản lý đội ngũ CBVCNV)	8
Phần mềm Misa (Có triển khai phân hệ quản lý cơ sở vật chất)	10
Phần mềm quản lý trường học SMAS (Có triển khai phân hệ quản lý thông tin y tế trường học, quản lý thông tin về sức khỏe học sinh)	10
Phần mềm kế toán Misa (Có triển khai phân hệ quản lý kế toán)	8
[H2.3.08] Phần mềm kết nối và trao đổi đầy đủ dữ liệu với CSDL ngành	8
Tổng điểm: 70 - Đạt: Mức độ 3	

Tiêu chí 2.4: Mức độ triển khai dịch vụ trực tuyến

2.4.1. Mô tả hiện trạng:

a) Ngay từ đầu mỗi năm học, nhà trường có triển khai ứng dụng kết nối giữa gia đình và nhà trường qua ứng dụng Zalo. Việc sử dụng ứng dụng này cơ bản đã đem lại hiệu quả tích cực trong việc kết nối, truyền thông giữa gia đình và nhà

trường [H2.4.01].

b) Nhà trường có triển khai dịch vụ tuyển sinh đầu cấp trực tuyến qua Hệ thống tuyển sinh trực tuyến Quảng Ninh.

Đường dẫn: <https://tsdaucap.dongtrieu.edu.vn/> với tỉ lệ 100% phụ huynh học sinh đăng ký tuyển sinh vào lớp 1 tham gia. Nhà trường đã ban hành Kế hoạch tuyển sinh lớp 1 năm học 2023-2024, tuyên truyền phổ biến trên các kênh thông tin để học sinh, phụ huynh học sinh nắm bắt [H2.4.02].

Hệ thống tuyển sinh trực tuyến Quảng Ninh cung cấp 03 chức năng chính là: Tìm kiếm thông tin tuyển sinh; đăng ký hồ sơ tuyển sinh trực tuyến, tra cứu. Với ứng dụng này đã giải quyết được khó khăn của phụ huynh gặp phải khi cần tìm hiểu tình hình tuyển sinh, giảm công sức làm thủ tục đăng ký, nắm được quá trình xử lý hồ sơ đã đăng ký. Mặt khác, ứng dụng còn giúp cho nhà trường giảm thời gian xác minh, kiểm tra hồ sơ, ...

c) Nhà trường có triển khai dịch vụ thu phí dịch vụ giáo dục theo hình thức không dùng tiền mặt. Ngay từ đầu năm học, nhà trường đã xây dựng và ban hành kế hoạch triển khai thanh toán không dùng tiền mặt và hợp đồng liên kết thực hiện thanh toán không dùng tiền mặt với Ngân hàng BIDV. Ứng dụng được triển khai và thông báo số tài khoản 44210000751558, tại ngân hàng BIDV với cha mẹ học sinh. Áp dụng đối với dịch vụ học phí, tỉ lệ 100% học sinh tham gia [H2.4.03]

2.4.2. Điểm mạnh:

Việc triển khai ứng dụng kết nối giữa gia đình và nhà trường qua ứng dụng Zalo được phụ huynh đồng thuận. Việc triển khai cơ bản thuận lợi nhờ phụ huynh đáp ứng được đầy đủ phương tiện hiện đại đáp ứng yêu cầu sử dụng ứng dụng.

Việc triển khai dịch vụ tuyển sinh đầu cấp trực tuyến qua Hệ thống tuyển sinh trực tuyến Quảng Ninh của nhà trường cũng được thực hiện nhanh chóng, hiệu quả. Nhà trường đã tích cực thực hiện các công tác tuyên truyền, phổ biến, hướng dẫn để hỗ trợ phụ huynh tối đa trong việc đăng ký tuyển sinh trực tuyến. Trong kế hoạch tuyển sinh năm học 2023-2024, nhà trường xây dựng nội dung cụ thể, phù hợp với tình hình thực tế của nhà trường và địa phương.

Nhà trường đã triển khai dịch vụ thu phí dịch vụ giáo dục theo hình thức không dùng tiền mặt thuận lợi, nhận được sự đồng thuận của 100% phụ huynh học sinh. Việc tuyên truyền, phổ biến, hướng dẫn đến phụ huynh học sinh được nhà trường triển khai hiệu quả.

2.4.3. Điểm yếu:

Việc triển khai ứng dụng kết nối giữa gia đình và nhà trường qua ứng dụng

Zalo còn gặp khó khăn ở một bộ phận phụ huynh học sinh. Nguyên nhân là do, một bộ phận phụ huynh học sinh chưa có phương tiện hiện đại để sử dụng ứng dụng. Do đó, việc triển khai dịch vụ thu phí dịch vụ giáo dục theo hình thức không dùng tiền mặt cũng gặp khó khăn với một bộ phận phụ huynh học sinh này.

2.4.4. Kế hoạch cải tiến:

Nhà trường định kỳ rà soát việc triển khai ứng dụng kết nối giữa gia đình và nhà trường qua ứng dụng Zalo. Thu thập, tổng hợp, phân tích thông tin phản hồi của phụ huynh học sinh để việc sử dụng ứng dụng ngày càng hiệu quả.

Nhà trường tăng cường công tác tuyên truyền, phổ biến để phụ huynh học sinh trang bị phương tiện hiện đại đáp ứng điều kiện cần thiết sử dụng các ứng dụng kết nối giữa gia đình và nhà trường và ứng dụng thanh toán không dùng tiền mặt. Nhà trường phối hợp cùng với các tổ chức, đoàn thể trên địa bàn để tăng cường hiệu quả tuyên truyền, phổ biến, vận động.

2.4.5. Tự đánh giá:

Chỉ số	Điểm số
a) Có triển khai ứng dụng kết nối giữa gia đình và nhà trường	6
b) Có triển khai dịch vụ tuyển sinh đầu cấp trực tuyến	12
c) Có triển khai dịch vụ thu phí dịch vụ giáo dục theo hình thức không dùng tiền mặt	10
Tổng điểm: 28 - Đạt: Mức độ 3	

Kết luận: 04 tiêu chí đạt mức 3, đạt 100%

Phần III. KẾT LUẬN CHUNG

Phần này cần ngắn gọn, nhưng phải nêu được những vấn đề sau:

- Số lượng và tỷ lệ phần trăm:

+ 4 tiêu chí bắt buộc có đủ = 36%

+ 8 tiêu chí/ 11 tiêu chí đạt mức 3 = 64%

(%) các tiêu chí đạt Mức độ 1, Mức độ 2 và Mức độ 3;

- Mức đánh giá của cơ sở giáo dục: Mức độ 3

- Cơ sở giáo dục đồng ý Đạt mức độ 3 chuyển đổi số ;

Xuân Sơn, ngày 31 tháng 05 năm 2024

HIỆU TRƯỞNG

Trần Thị Kim Liên

Phần IV. PHỤ LỤC

BẢNG DANH MỤC MÃ MINH CHỨNG

Nhóm tiêu chí chuyển đổi số trong dạy, học			
Tiêu chí 1.1	1		KH thực hiện nhiệm vụ năm học 2023 – 2024
Tiêu chí 1.2	2		Quy chế tổ chức dạy học trực tuyến
Tiêu chí 1.3	3	[H1-3-01]	Danh sách tài khoản phần mềm dạy học trực tuyến.
Tiêu chí 1.3	4	[H1-3-02]	Danh sách tài khoản phần mềm quản lí học tập Khan academy
Tiêu chí 1.4	5	[H1-4-01]	Danh sách các học liệu được số hoá.
Tiêu chí 1.5	6	[H1-5-01]	Kế hoạch triển khai khai thi, kiểm tra, đánh giá kết quả học tập trên phòng máy tính môn Tin học trẻ, thi Tiếng Anh qua mạng Internet.
Tiêu chí 1.6	7	[H1-6-01]	Danh sách tài khoản trực tuyến trên các hệ thống bồi dưỡng giáo viên.
Tiêu chí 1.6	8	[H1-6-02]	Văn bản công nhận về mức độ áp dụng được các phần mềm, công cụ, đồ dùng dạy học.
Tiêu chí 1.6	9	[H1-6-03]	Danh sách các học liệu số, bài giảng điện tử được giáo viên xây dựng.
Tiêu chí 1.7	10	[H1-7- 01]:	Kế hoạch quản lí sử dụng thiết bị.

Nhóm tiêu chí Chuyển đổi số trong quản trị cơ sở giáo dục			
Tiêu chí 2.1	11	[H2.1.01]	Quyết định thành lập tổ công tác thực hiện nhiệm vụ CNTT, CDS và công tác thống kê giáo dục năm học 2023-2024
Tiêu chí 2.2	12	[H2.2.01]	Kế hoạch thực hiện nhiệm vụ ứng dụng CNTT, CDS năm học 2023-2024
Tiêu chí 2.3	13	[H2.3.01]	Quy chế sử dụng Hệ thống quản trị nhà trường - SMAS Phần mềm quản lý trường học.
Tiêu chí 2.3	14	[H2.3.02]	Phần mềm quản lý trường học SMAS (Có triển khai phân hệ quản lý học sinh)
Tiêu chí 2.3	15	[H2.3.03]	Phần mềm quản lý trường học SMAS (Có triển khai sổ điểm điện tử, học bạ điện tử)
Tiêu chí 2.3	16	[H2.3.04]	Phần mềm quản lý trường học SMAS (Có triển khai sổ điểm điện tử, học bạ điện tử)
Tiêu chí 2.3	17	[H2.3.05]	Phần mềm Misa (Có triển khai phân hệ quản lý cơ sở vật chất)
Tiêu chí 2.3	18	[H2.3.06]	Phần mềm quản lý trường học SMAS (Có triển khai phân hệ quản lý thông tin y tế trường học, quản lý thông tin về sức khỏe học sinh)
Tiêu chí 2.3	19	[H2.3.07]	Phần mềm kế toán Misa (Có triển khai phân hệ quản lý kế toán)
Tiêu chí 2.3	20	[H2.3.08]	Phần mềm kết nối và trao đổi đầy

			đủ dữ liệu với CSDL ngành https://csdl.moet.gov.vn
Tiêu chí 2.4	21	[H2.4.01]	Quy chế hướng dẫn sử dụng dịch vụ tuyển sinh trực tuyến năm học 2024-2025